

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ I

Năm học	Năm học: 2025-2026
Trường	Tiểu học Thanh Hưng

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5									
			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số								
				Nữ	Dân tộc	Nữ DT		KT	Nữ	Dân tộc		Nữ DT	KT	Nữ		Dân tộc	Nữ DT	KT		Nữ	Dân tộc	Nữ DT	KT	Nữ	Dân tộc	Nữ DT	KT	
I. Kết quả học tập																												
1. Tiếng Việt	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2	
Hoàn thành tốt		259	52	27	19	10		53	34	18	12		57	32	24	12		40	22	10	7		57	39	17	12		
Hoàn thành		262	54	20	28	12	1	36	12	23	6		51	22	28	12	1	62	25	39	19	2	59	14	22	8	2	
Chưa hoàn thành		1	1		1																							
2. Toán	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2	
Hoàn thành tốt		259	56	29	19	10		54	31	19	11		57	31	25	12		38	20	11	8		54	33	16	10		
Hoàn thành		261	50	18	28	12	1	35	15	22	7		51	23	27	12	1	63	27	37	18	1	62	20	23	10	2	
Chưa hoàn thành		2	1		1													1		1		1						
3. Đạo đức	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2	
Hoàn thành tốt		349	75	38	29	15		68	35	29	12		74	40	34	17		64	33	24	14		68	43	23	14		
Hoàn thành		173	32	9	19	7	1	21	11	12	6		34	14	18	7	1	38	14	25	12	2	48	10	16	6	2	
Chưa hoàn thành																												
4. Tự nhiên và Xã	304	304	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1											
Hoàn thành tốt		212	71	36	28	16		65	36	26	12		76	41	37	18												
Hoàn thành		92	36	11	20	6	1	24	10	15	6		32	13	15	6	1											
Chưa hoàn thành																												
5. Khoa học	218	218																102	47	49	26	2	116	53	39	20	2	
Hoàn thành tốt		106																43	24	18	11		63	39	19	12		
Hoàn thành		112																59	23	31	15	2	53	14	20	8	2	
Chưa hoàn thành																												
6. LS&ĐL	218	218																102	47	49	26	2	116	53	39	20	2	
Hoàn thành tốt		92																38	21	10	7		54	36	15	11		

Hoàn thành	126																64	26	39	19	2	62	17	24	9	2	
Chưa hoàn thành																											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	326	72	35	30	15			62	33	25	11		71	39	31	16		58	32	22	15		63	42	17	11	
Hoàn thành	196	35	12	18	7	1		27	13	16	7		37	15	21	8	1	44	15	27	11	2	53	11	22	9	2
Chưa hoàn thành																											
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	334	74	36	29	14			64	34	25	11		74	38	34	15		58	31	20	13		64	42	17	11	
Hoàn thành	187	32	11	18	8	1		25	12	16	7		34	16	18	9	1	44	16	29	13	2	52	11	22	9	2
Chưa hoàn thành	1	1		1																							
9. Hoạt động trải nghiệm	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	342	74	36	29	15			71	39	30	14		72	40	33	18		64	34	25	15		61	38	16	10	
Hoàn thành	180	33	11	19	7	1		18	7	11	4		36	14	19	6	1	38	13	24	11	2	55	15	23	10	2
Chưa hoàn thành																											
10. Giáo dục thể chất	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	343	72	34	29	13			69	36	29	12		75	40	35	18		60	29	23	13		67	40	16	10	
Hoàn thành	179	35	13	19	9	1		20	10	12	6		33	14	17	6	1	42	18	26	13	2	49	13	23	10	2
Chưa hoàn thành																											
11. TH-CN (Công nghệ)	326	326											108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	167												70	39	33	17		40	22	12	8		57	36	15	9	
Hoàn thành	159												38	15	19	7	1	62	25	37	18	2	59	17	24	11	2
Chưa hoàn thành																											
12. TH-CN (Tin học)	522	326											108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	180												71	42	32	17		45	24	14	9		64	40	19	11	
Hoàn thành	146												37	12	20	7	1	57	23	35	17	2	52	13	20	9	2
Chưa hoàn thành																											
13. Ngoại ngữ	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Hoàn thành tốt	292	70	33	27	13			63	35	24	11		59	33	24	12		46	21	15	8		54	35	14	9	
Hoàn thành	229	36	14	20	9	1		26	11	17	7		49	21	28	12	1	56	26	34	18	2	62	18	25	11	2
Chưa hoàn thành	1	1		1																							
14. Tiếng dân tộc	522																										

Tốt		210												74	42	32	17		67	32	27	15		69	41	19	13	
Đạt		116												34	12	20	7	1	35	15	22	11	2	47	12	20	7	2
Cần cố gắng																												
Khoa học		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		332	68	32	23	11			66	36	27	12		68	39	29	16		62	33	25	16		68	41	19	13	
Đạt		190	39	15	25	11	1		23	10	14	6		40	15	23	8	1	40	14	24	10	2	48	12	20	7	2
Cần cố gắng																												
Thẩm mĩ		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		346	70	34	28	14			64	34	25	11		73	41	31	16		65	32	23	13		74	44	19	13	
Đạt		175	36	13	19	8	1		25	12	16	7		35	13	21	8	1	37	15	26	13	2	42	9	20	7	2
Cần cố gắng		I	1		1																							
Thể chất		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		363	75	35	30	14			69	36	29	12		78	44	34	19		68	32	27	14		73	42	18	12	
Đạt		159	32	12	18	8	1		20	10	12	6		30	10	18	5	1	34	15	22	12	2	43	11	21	8	2
Cần cố gắng																												
III. Phẩm chất chủ yếu																												
Yêu nước		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		439	88	41	34	17	1		83	42	37	15		103	53	48	23		80	38	37	19	1	85	47	26	16	
Đạt		83	19	6	14	5			6	4	4	3		5	1	4	1	1	22	9	12	7	1	31	6	13	4	2
Cần cố gắng																												
Nhân ái		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		403	84	37	35	16	1		80	41	36	14		81	43	35	18		78	39	35	20	1	80	46	24	15	
Đạt		119	23	10	13	6			9	5	5	4		27	11	17	6	1	24	8	14	6	1	36	7	15	5	2
Cần cố gắng																												
Chăm chỉ		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		343	70	32	26	12			66	35	28	12		79	45	36	19		61	32	23	15		67	41	21	14	
Đạt		179	37	15	22	10	1		23	11	13	6		29	9	16	5	1	41	15	26	11	2	49	12	18	6	2
Cần cố gắng																												
Trung thực		522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		364	79	35	31	14			68	36	29	12		76	43	32	17		67	33	25	15		74	44	21	14	
Đạt		158	28	12	17	8	1		21	10	12	6		32	11	20	7	1	35	14	24	11	2	42	9	18	6	2

Cần cố gắng																											
Trách nhiệm	522	522	107	47	48	22	1	89	46	41	18		108	54	52	24	1	102	47	49	26	2	116	53	39	20	2
Tốt		350	70	33	29	13		66	35	28	12		74	41	33	17		66	33	25	15		74	43	21	14	
Đạt		172	37	14	19	9	1	23	11	13	6		34	13	19	7	1	36	14	24	11	2	42	10	18	6	2
Cần cố gắng																											
IV. Khen thưởng																											
- Giấy khen cấp trường																											
- Giấy khen cấp trên																											
V. HSDT được trợ giảng																											
VI. HS.K.Tật		6	1		1		1						1		1		1	2		2		2	2		1		2
VII. HS bỏ học kỳ I																											
+ Hoàn cảnh GDKK																											
+ KK trong học tập																											
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																											
+ Thiên tai, dịch bệnh																											
+ Nguyên nhân khác																											

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thơm